



BRITISH VIETNAMESE INTERNATIONAL SCHOOL
HO CHI MINH CITY
A NORD ANGLIA EDUCATION SCHOOL

SECONDARY EXPLORATION EVENT

TÌM HIỂU KHỐI TRUNG HỌC

BRITISH VIETNAMESE INTERNATIONAL SCHOOL, HCMC

14th January 2026





BRITISH VIETNAMESE INTERNATIONAL SCHOOL
HO CHI MINH CITY
A NORD ANGLIA EDUCATION SCHOOL

AGENDA CHƯƠNG TRÌNH

- 8:20 – 8:40 – Refreshments / Dùng trà & bánh
- 8:40 – 8:50 – Welcome and scene setting

KS2 (Y5,6) to KS3 (Y7-9)

8:50 – 9:20 – The years ahead/ Những năm tiếp theo

KS3 to KS4 (Y10,11) and KS5 (Y12,13)

Academic successes/ Thành tích học tập

9:30 – 9:45 – Communication/ Hình thức liên lạc

- 9:45 – 10:00 – Time to mingle/ Khung giờ tương tác

Feedback questions/ Câu hỏi đóng góp ý kiến



OUR GLOBAL FAMILY OF NORD ANGLIA EDUCATION



90+ schools



35 countries



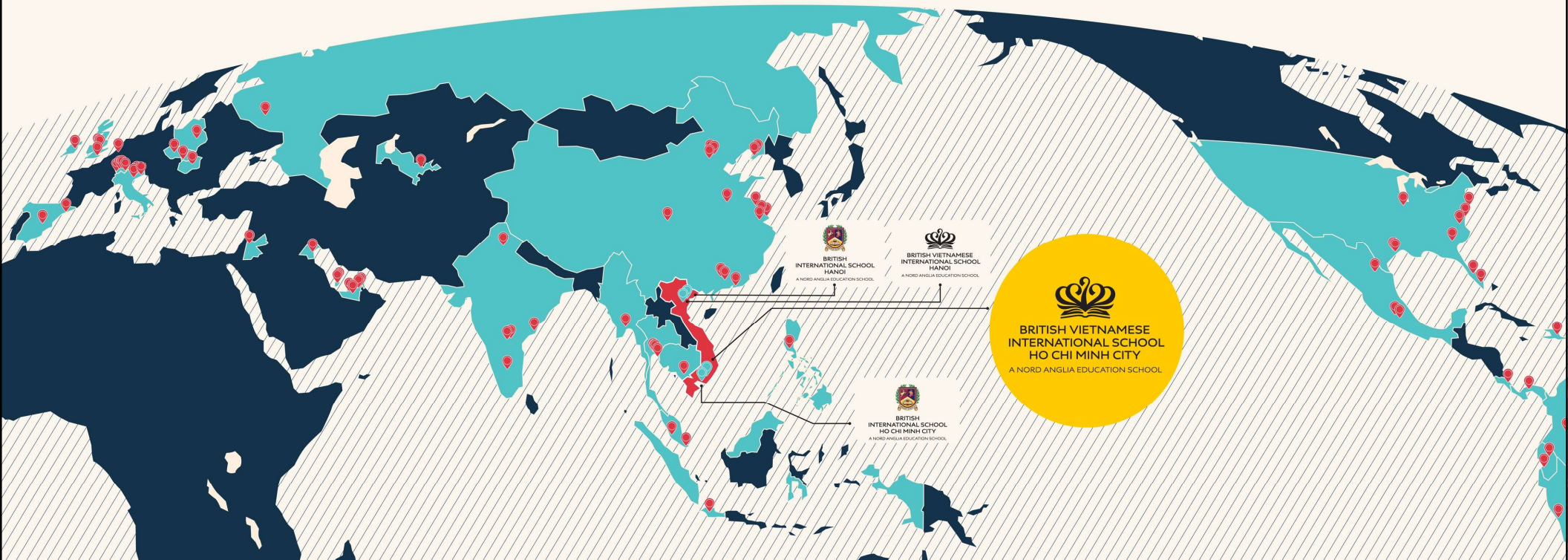
4 schools in Vietnam



90,000+ students



19,000+ colleagues

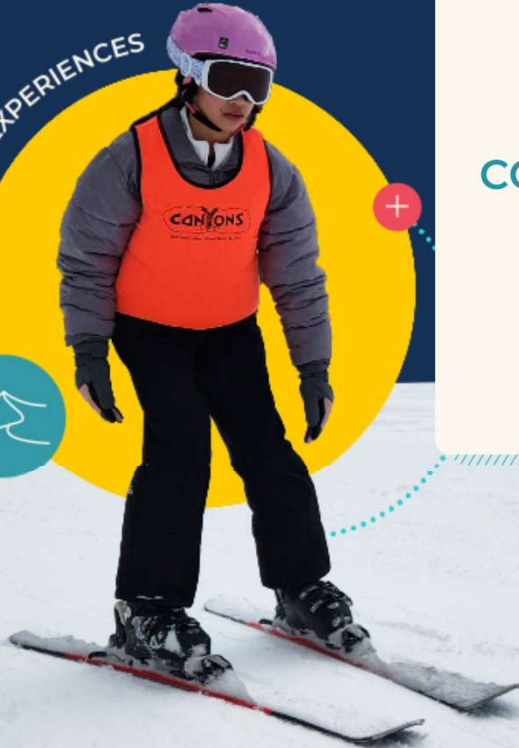




BRITISH VIETNAMESE INTERNATIONAL SCHOOL
HO CHI MINH CITY
A NORD ANGLIA EDUCATION SCHOOL



LIFE CHANGING EXPERIENCES



OUR COLLABORATIONS



Juilliard



CONNECTING OUR FAMILY - GLOBAL CAMPUS





Tes Awards for International Schools 2025

Shortlisted

Student Mental Health
Initiative of the Year





BRITISH VIETNAMESE INTERNATIONAL SCHOOL
HO CHI MINH CITY
A NORD ANGLIA EDUCATION SCHOOL

WELCOME AND CURRICULUM GUIDANCE

LỜI CHÀO & GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH

Communication

Thông tin liên lạc

Independence/Responsibility

Sự tự lập/ Trách nhiệm

Pastoral networks

Hệ thống chăm sóc học đường



YEAR 6 INTO 7 – THE START OF SECONDARY EDUCATION

Curriculum alignment

- Curriculum project – Secondary and Primary Teachers working together
- Flow from F1 to Year 13 in terms of skills and knowledge development
- 1 student, 1 curriculum, 2 languages
- Aide memoire, mission vision and values

CHUYỂN TIẾP TỪ KHỐI 6 LÊN 7– KHỞI ĐẦU NỀN TẢNG HỌC TẬP KHỐI TRUNG HỌC

Tính nhất quán trong giáo trình

- Chương trình giảng dạy tổng thể – Giáo viên Tiểu học và Trung học luôn hợp tác, hỗ trợ nhau
- Đảm bảo sự phát triển về kỹ năng và kiến thức xuyên suốt từ lớp F1 đến lớp 13.
- 1 ngôi trường, 1 chương trình, 2 ngôn ngữ
- Giá trị cốt lõi, sứ mạng, tầm nhìn và các giá trị khác



THE YEARS AHEAD

CHẶNG ĐƯỜNG HỌC VẤN

Year 7, 8 and 9 – Key Stage 3

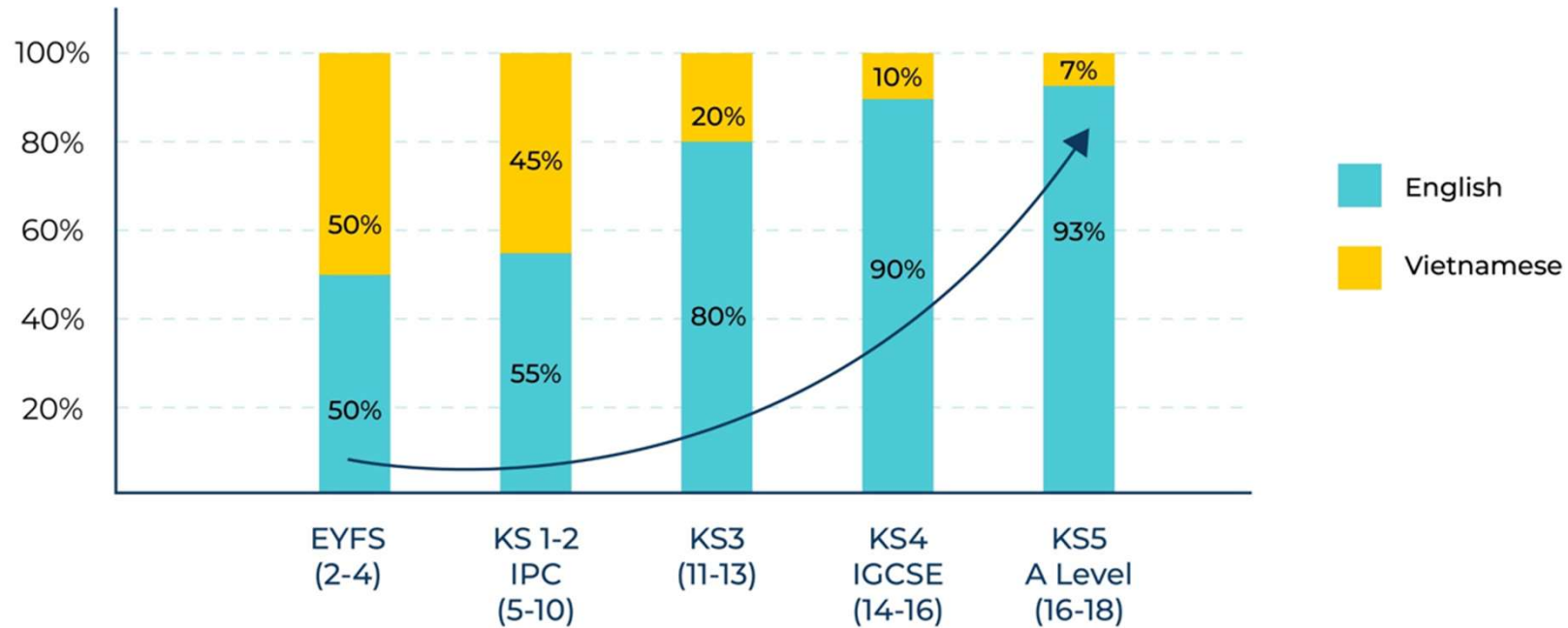
Years 10 and 11 – Key Stage 4

Years 12 and 13 – Key Stage 5

Beyond Y13 – University



BVIS curriculum language delivery



BVIS provides a world-class education within Vietnam, for students aged 2-18. At BVIS, students follow an internationally recognized British education adapted from the English National Curriculum to embrace Vietnamese culture.


KEY STAGE 3

Year 7, 8 and 9 – Key Stage 3




NUMBER OF LESSONS PER WEEK BY LANGUAGE OF INSTRUCTION (KS3)

SỐ TIẾT HỌC MỖI MÔN TRONG TUẦN & NGÔN NGỮ GIẢNG DẠY

Giảng dạy bằng tiếng Anh (24 tiết/ tuần)	Giảng dạy bằng tiếng Việt (6 tiết/ tuần)	Taught in English (24 lessons/week)	Taught in Vietnamese (6 lessons/ week)
<p>Mỹ thuật Khoa học vi tính Thiết kế & công nghệ Kịch Anh Văn Địa lý Lịch sử Các môn Nhân văn học Toán Nhạc Giáo dục công dân (PSHE) Giáo dục thể chất (PE) Khoa học</p>	<p>Văn học Việt (Khối 7-8) Việt Nam học (Khối 7-9) Tiếng Việt chương trình IGCSE (Khối 9)</p>	<p>Art Computer Science Design and Technology Drama English Geography History Humanities Maths Music Personal, Social and Health Education (PSHE) Physical Education (PE) Science</p>	<p>Vietnamese Literature (Y7-8) Vietnamese Studies (Y7-9) Vietnamese IGCSE (Y9)</p> 


NUMBER OF LESSONS PER WEEK BY LANGUAGE OF INSTRUCTION (KS3)

SỐ TIẾT HỌC MỖI MÔN TRONG TUẦN & NGÔN NGỮ GIẢNG DẠY

Giảng dạy bằng tiếng Anh (24 tiết/ tuần)	Giảng dạy bằng tiếng Việt (6 tiết/ tuần)	Taught in English (24 lessons/week)	Taught in Vietnamese (6 lessons/ week)
<p>Mỹ thuật Khoa học vi tính Thiết kế & công nghệ Kịch Anh Văn Địa lý Lịch sử Các môn Nhân văn học Toán Nhạc Giáo dục công dân (PSHE) Giáo dục thể chất (PE) Khoa học</p>	<p>Văn học Việt (Khối 7-8) Việt Nam học (Khối 7-9) Tiếng Việt chương trình IGCSE (Khối 9)</p>	<p>Art Computer Science Design and Technology Drama English Geography History Humanities Maths Music Personal, Social and Health Education (PSHE) Physical Education (PE) Science</p>	<p>Vietnamese Literature (Y7-8) Vietnamese Studies (Y7-9) Vietnamese IGCSE (Y9)</p> 


NUMBER OF LESSONS PER WEEK BY LANGUAGE OF INSTRUCTION (KS3)

SỐ TIẾT HỌC MỖI MÔN TRONG TUẦN & NGÔN NGỮ GIẢNG DẠY

Giảng dạy bằng tiếng Anh (24 tiết/ tuần)	Giảng dạy bằng tiếng Việt (6 tiết/ tuần)	Taught in English (24 lessons/week)	Taught in Vietnamese (6 lessons/ week)
<p>Mỹ thuật Khoa học vi tính Thiết kế & công nghệ Kịch Anh Văn Địa lý Lịch sử Các môn Nhân văn học</p> <p>Toán</p> <p>Nhạc Giáo dục công dân (PSHE) Giáo dục thể chất (PE) Khoa học</p>	<p>Văn học Việt (Khối 7-8) Việt Nam học (Khối 7-9) Tiếng Việt chương trình IGCSE (Khối 9)</p>	<p>Art Computer Science Design and Technology Drama English Geography History Humanities Maths Music Personal, Social and Health Education (PSHE) Physical Education (PE) Science</p>	<p>Vietnamese Literature (Y7-8) Vietnamese Studies (Y7-9) Vietnamese IGCSE (Y9)</p> 


NUMBER OF LESSONS PER WEEK BY LANGUAGE OF INSTRUCTION (KS3)

SỐ TIẾT HỌC MỖI MÔN TRONG TUẦN & NGÔN NGỮ GIẢNG DẠY

Giảng dạy bằng tiếng Anh (24 tiết/ tuần)	Giảng dạy bằng tiếng Việt (6 tiết/ tuần)	Taught in English (24 lessons/week)	Taught in Vietnamese (6 lessons/ week)
<p>Mỹ thuật Khoa học vi tính Thiết kế & công nghệ Kịch Anh Văn Địa lý Lịch sử Các môn Nhân văn học Toán Nhạc Giáo dục công dân (PSHE) Giáo dục thể chất (PE) Khoa học</p>	<p>Văn học Việt (Khối 7-8) Việt Nam học (Khối 7-9) Tiếng Việt chương trình IGCSE (Khối 9)</p>	<p>Art Computer Science Design and Technology Drama English Geography History Humanities Maths Music Personal, Social and Health Education (PSHE) Physical Education (PE) Science</p>	<p>Vietnamese Literature (Y7-8) Vietnamese Studies (Y7-9) Vietnamese IGCSE (Y9)</p> 

NUMBER OF LESSONS PER WEEK BY LANGUAGE OF INSTRUCTION (KS3)

SỐ TIẾT HỌC MỖI MÔN TRONG TUẦN & NGÔN NGỮ GIẢNG DẠY

Giảng dạy bằng tiếng Anh (24 tiết/ tuần)	Giảng dạy bằng tiếng Việt (6 tiết/ tuần)	Taught in English (24 lessons/week)	Taught in Vietnamese (6 lessons/ week)
<p>Mỹ thuật Khoa học vi tính Thiết kế & công nghệ Kịch Anh Văn Địa lý Lịch sử Các môn Nhân văn học Toán Nhạc Giáo dục công dân (PSHE) Giáo dục thể chất (PE) Khoa học</p>	<p>Văn học Việt (Khối 7-8) Việt Nam học (Khối 7-9) Tiếng Việt chương trình IGCSE (Khối 9)</p>	<p>Art Computer Science Design and Technology Drama English Geography History Humanities Maths Music Personal, Social and Health Education (PSHE) Physical Education (PE) Science</p>	<p>Vietnamese Literature (Y7-8) Vietnamese Studies (Y7-9) Vietnamese IGCSE (Y9)</p> 

NUMBER OF LESSONS PER WEEK BY LANGUAGE OF INSTRUCTION (KS3)

SỐ TIẾT HỌC MỖI MÔN TRONG TUẦN & NGÔN NGỮ GIẢNG DẠY

Giảng dạy bằng tiếng Anh (24 tiết/ tuần)	Giảng dạy bằng tiếng Việt (6 tiết/ tuần)	Taught in English (24 lessons/week)	Taught in Vietnamese (6 lessons/ week)
Mỹ thuật Khoa học vi tính Thiết kế & công nghệ Kịch Anh Văn Địa lý Lịch sử Các môn Nhân văn học Toán Nhạc Giáo dục công dân (PSHE) Giáo dục thể chất (PE) Khoa học	Văn học Việt (Khối 7-8) Việt Nam học (Khối 7-9) Tiếng Việt chương trình IGCSE (Khối 9)	Art Computer Science Design and Technology Drama English Geography History Humanities Maths Music Personal, Social and Health Education (PSHE) Physical Education (PE) Science	Vietnamese Literature (Y7-8) Vietnamese Studies (Y7-9) Vietnamese IGCSE (Y9)





IGCSE SUBJECTS TAUGHT

CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH IGCSE

- Art and Design (Mỹ thuật & thiết kế)
- Biology (Sinh học)
- Business Studies (Nghiên cứu kinh doanh)
- Chemistry (Hóa học)
- Computer Science (Khoa học máy tính)
- Co-ordinated Sciences (Double Award) –(Khoa học tổng hợp (2 tín chỉ))
- Design and Technology (Thiết kế và công nghệ)
- Drama (Kịch)
- Economics (Kinh tế)
- English as a First Language (Anh Văn là ngôn ngữ thứ nhất)
- English as a Second Language (Anh Văn là ngôn ngữ thứ hai)
- Geography (Địa lý)
- History (Lịch sử)
- Literature in English (Văn học Anh)
- Mathematics (Toán)
- Music (Nhạc)
- Physical Education (Giáo dục thể chất)
- Physics (Vật lý)
- Vietnamese (Tiếng Việt)

IGCSE English pathways

Lộ trình môn Anh Văn IGCSE

1. English as a First Language + Literature in English (2 IGCSEs)/Tiếng Anh như ngôn ngữ thứ nhất + Văn học Anh (2 tín chỉ IGCSE)
2. English as a Second Language + Literature in English (2 IGCSEs)/ Tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai + Văn học Anh (2 tín chỉ IGCSE)
3. English as a Second Language (1 IGCSE)/ Tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai (1 tín chỉ IGCSE)

IGCSE Science pathways

Lộ trình môn Khoa Học IGCSE

1. Biology, Chemistry and Physics (3 IGCSEs)/ Khoa học riêng lẻ Sinh/ Hóa/ Lý (3 tín chỉ IGCSE)
2. Coordinated science (combining Biology, Chemistry and Physics) (2 IGCSEs)/ Khoa học tổng hợp Sinh/ Hóa/ Lý (2 tín chỉ IGCSE)



AS AND A LEVEL SUBJECTS RD

CÁC MÔN TRONG CHƯƠNG TRÌNH AS/ A LEVEL

CAIE

Hội đồng Khảo thí CAIE

Biology (Sinh học)
Business (Kinh doanh)
Chemistry (Hóa học)
Computer Science (Khoa học máy tính)
Design and Technology (Thiết kế & công nghệ)
Drama (Kịch)
Economics (Kinh tế)
Geography (Địa lý)
Literature in English (Văn học Anh)
Media Studies (Nghiên cứu Truyền thông)
Music (Nhạc)
Physics (Vật lý)
Psychology (Tâm lý học)

Pearson Edexcel

Hội đồng Khảo thí Pearson Edexcel

Art and Design (Mỹ thuật & thiết kế)
History (Lịch sử)
Mathematics (Toán)
Physical Education (Giáo dục thể chất)



NON-EXAMINED SUBJECTS (KS4 AND KS5) CÁC MÔN KHÔNG THI (KHỐI KS4, 5)

- Academic English (Y12) (<4 A Levels, <6.5 IELTS)
 - Core PE
 - PSHE
 - Vietnamese Studies
 - Vietnamese literature and language
-
- Tiếng Anh học thuật (khối 12) (ít hơn 4 môn chọn ở A level và IELTS dưới 6.5)
 - Giáo dục thể chất (PE)
 - Giáo dục công dân
 - Việt Nam học
 - Ngôn ngữ & Văn học Việt



TIME TO MINGLE

KHUNG GIỜ TƯỞNG TÁC



TASKS TO MINGLE 1

CHỦ ĐỀ GIAO LƯU 1

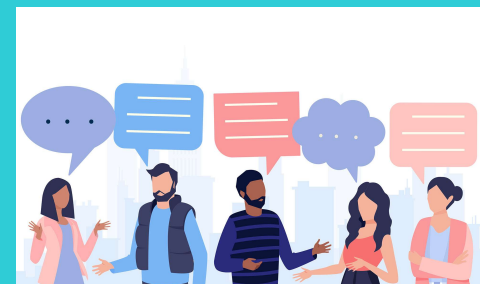
- Find someone who has a child with the same birth month as your child but is in a different year group.
- Hãy tìm 1 phụ huynh bất kỳ mà con em họ có cùng tháng sinh với con em chúng ta nhưng lại khác khối lớp.
- Share with that person a subject that your child enjoys
- Trao đổi với phụ huynh đó về môn học mà con em chúng ta rất thích.
- Share with that person a hobby your child has
- Chia sẻ sở thích của con em chúng ta



TASKS TO MINGLE 2

CHỦ ĐỀ GIAO LƯU 2

- Find someone who has a child in the same School House as your child but is in a different year group.
- Hãy tìm 1 phụ huynh bất kỳ mà con em họ có cùng đội nhà với con em chúng ta nhưng lại khác khối lớp.
- Share with that person a sport or ECA that your child enjoys
- Chia sẻ về một môn thể thao hoặc 1 CLB mà con em mình rất thích
- Share with that person either one thing you are worried about (Y6 or below parent) moving to secondary or one thing you were worried about (Y7 and above parent)
- PH có thể chia sẻ về việc làm mình lo lắng khi các em chuyển tiếp lên lớp 7 (nếu mình hiện là PH khối 6) hoặc chia sẻ điều mình đã từng lo lắng (nếu mình hiện là PH khối 7)



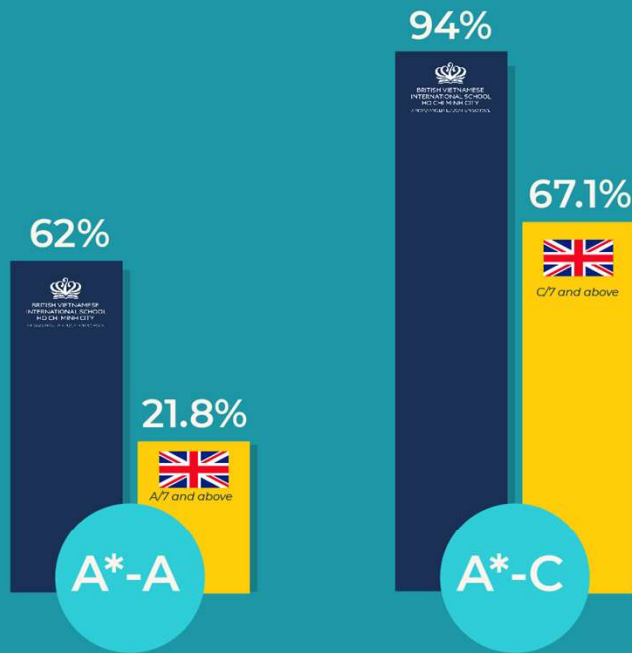
ACADEMIC SUCCESSES





BRITISH VIETNAMESE INTERNATIONAL SCHOOL
HO CHI MINH CITY
A NORD ANGLIA EDUCATION SCHOOL

OUR 2025 IGCSE RESULTS ARE SIGNIFICANTLY HIGHER THAN THE UK AVERAGE

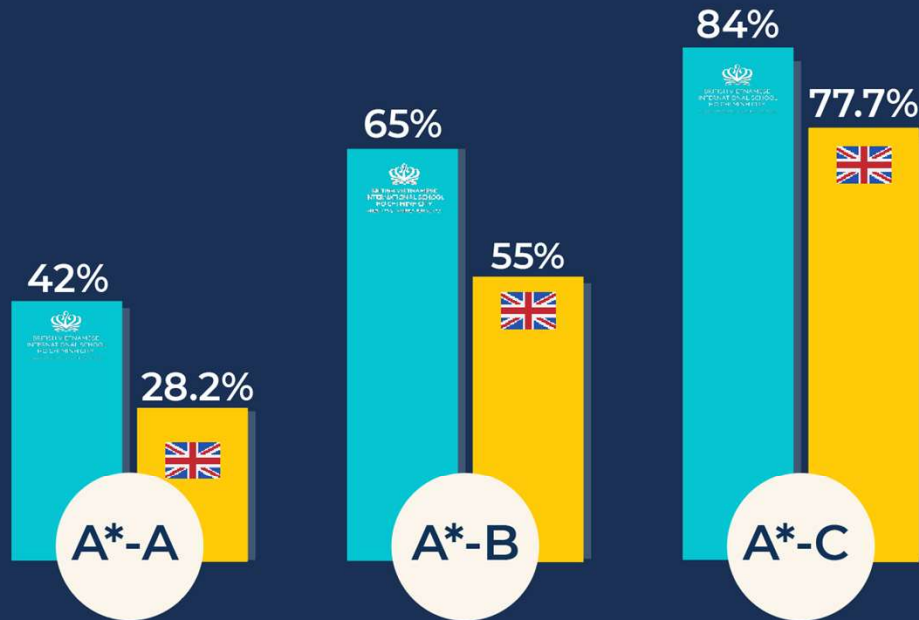


Reference source: <https://analytics.ofqual.gov.uk/apps/GCSE/Outcomes/>



BRITISH VIETNAMESE INTERNATIONAL SCHOOL
HO CHI MINH CITY
A NORD ANGLIA EDUCATION SCHOOL

OUR 2025 A LEVEL RESULTS ARE SIGNIFICANTLY HIGHER THAN THE UK AVERAGE



Reference source: <https://analytics.ofqual.gov.uk/apps/Alevel/Outcomes/>



OUTSTANDING CAMBRIDGE & PEARSON LEARNER AWARDS

2025

3

TOP IN THE
WORLD



8

TOP IN
VIETNAM



3

HIGH
ACHIEVEMENT

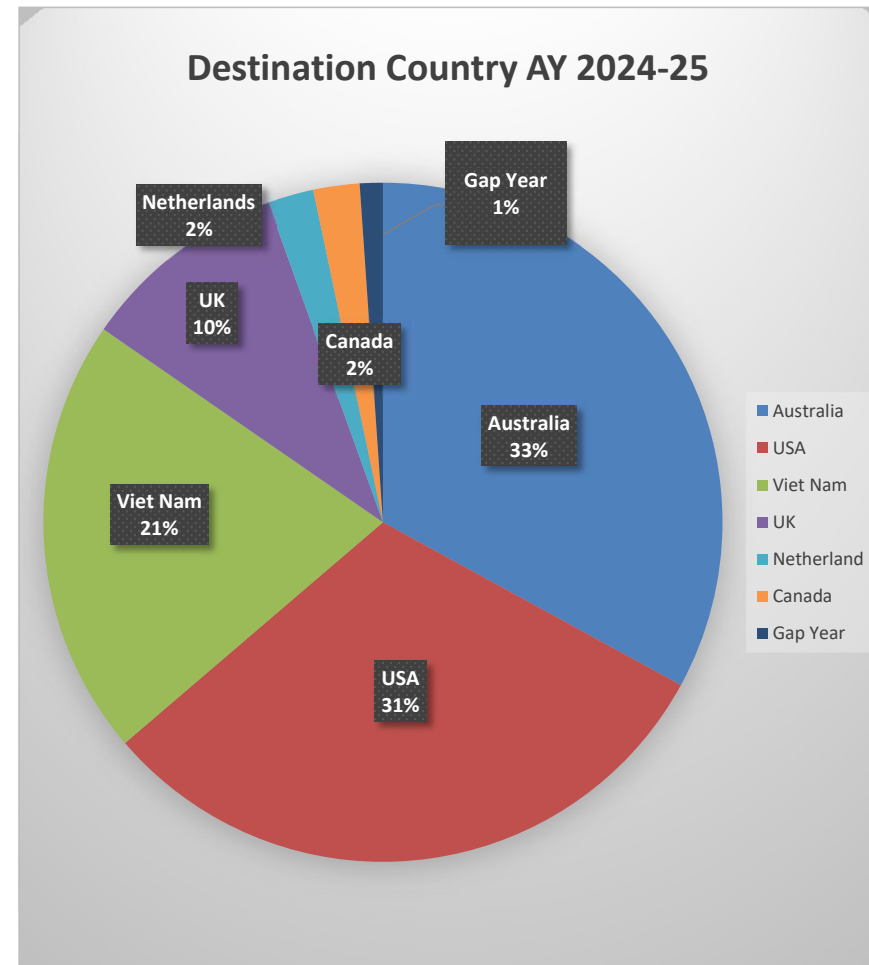
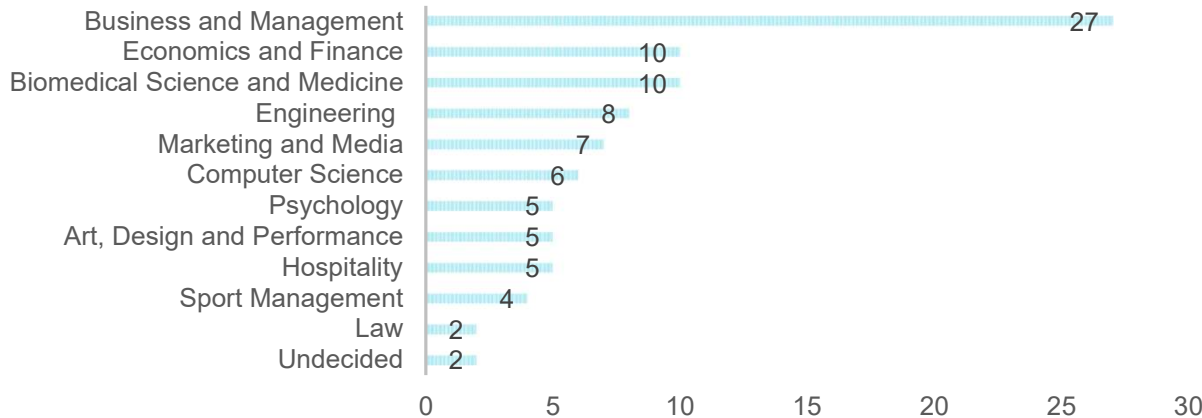


UNIVERSITY DESTINATIONS

ĐIỂM ĐẾN BẠC ĐẠI HỌC

Students attending ...	Overall Ranking 2023 (Cumulative %)	Overall Ranking 2024 (Cumulative %)	Overall Ranking 2025 (Cumulative %)
Top 50 University Worldwide	30	53	30
Top 100 University Worldwide	41	55	41
Top 600 University Worldwide	75	86	83

MAJOR CHOICE AY 2024-25



STRUCTURE OF UNIVERSITY APPLICATION SUPPORT (BROKEN DOWN INTO KS)



UNIVERSITY and Future Career

KEY STAGE 3 KHỐI KS3

PHSE : Work & Finance
TG nghề nghiệp
& Tài chính

Unifrog platform : Quizzes
Nền tảng Unifrog :
Các bài trắc nghiệm

KEY STAGE 4 KHỐI KS4

PHSE : Careers
Hướng nghiệp

1-1 Options meeting (Y11)
Trao đổi về môn chọn 1-1

University Fair
Triển lãm đại học

Critical Thinking Club
CLB Tư duy phản biện

**Unifrog platform :
Searching for universities**
Nền tảng Unifrog :
Tìm trường đại học

KEY STAGE 5 KHỐI KS5

PHSE : University
Trường đại học

1-1 Guidance Conversations
Trao đổi và định hướng 1-1

University Fairs & Reps. Visits
Triển lãm đại học & gặp gỡ đại diện trường

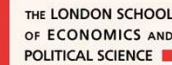
Critical Thinking Club
CLB Tư duy phản biện

University Preparation Program
Chương trình chuẩn bị cho
giai đoạn đại học



BRITISH VIETNAMESE INTERNATIONAL SCHOOL
HO CHI MINH CITY
A NORD ANGLIA EDUCATION SCHOOL

EXCEPTIONAL UNIVERSITY OFFERS



FROM BVIS TO



THE WORLD'S BEST

UNIVERSITIES

▶▶▶ Class of 2025's Achievement: 305+ university offers & 6.67 million USD in scholarships



BRITISH VIETNAMESE INTERNATIONAL SCHOOL
HO CHI MINH CITY
A NORD ANGLIA EDUCATION SCHOOL

WHERE DREAMS TAKE FLIGHT:

BVIS - PAVING THE WAY TO SUCCESS



Pham Phuong Nghi (Nancy)

A level exam result (Y13): 4A*

Highest in Viet Nam in A Level Maths

Outstanding Pearson Learner Awards 2024

University Destination 2024:

University of Pennsylvania

University Offers:

University of Manchester

University of Edinburgh

University of Pennsylvania

Northeastern University

University of Denver

Fordham University

Georgia Institute of Technology

University of Illinois Urbana- Champaign



BRITISH VIETNAMESE INTERNATIONAL SCHOOL
HO CHI MINH CITY
A NORD ANGLIA EDUCATION SCHOOL

WHERE DREAMS TAKE FLIGHT: BVIS - PAVING THE WAY TO SUCCESS



Tran Trong Trung Kien

A level exam result (Y13): 4A*

University Destination 2024:

University of Manchester

Name of Presentation

University Offers:

University of Manchester

University of Warwick

FEEDBACK

ĐÓNG GÓP Ý KIẾN

- 2 questions to help us improve
- 2 câu hỏi giúp nhà trường cải thiện

Your Feedback/ Đóng Góp Ý Kiến



- What is one thing that BVIS should change?
- Nêu 1 điều mà trường BVIS cần thay đổi?
- What is one thing that BVIS should not change?
- Nêu 1 điều mà trường BVIS không nên thay đổi?



OPPORTUNITY TO ASK QUESTIONS

